

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24/02/2022
V/v: “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức
2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huỳnh Hoa Lý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Bích T, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp TP1, xã VP, huyện TS, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay: ấp VH 1, xã VN, huyện CT, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn D, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp TP1, xã VP, huyện TS, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, trong quá trình hòa giải, nguyên đơn chị Trần Thị Bích T trình bày:*

Chị và anh Huỳnh Văn D do mai mối, có tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VP, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 06/06/2012. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung tên Huỳnh Hữu P, sinh ngày 03/10/2011 và Huỳnh Thị Kiều K, sinh ngày 25/4/2015. Trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng cũng thường xuyên cự cãi nhưng đến khoảng tháng 03/2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh D có tính gia trưởng và ghen tuông vô cớ. Mặc dù chị cố gắng duy trì cuộc sống hôn nhân nhưng không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 03/2021 đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn anh Huỳnh Văn D.

- Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Hữu P, sinh ngày 03/10/2011 và Huỳnh Thị Kiều K, sinh ngày 25/4/2015, hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi Dưỡng con chung, không yêu cầu anh D cấp Dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản:

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai, trong quá trình hòa giải bị đơn anh Huỳnh Văn D trình bày:*

Anh thống nhất với trình bày của chị Trần Thị Bích T do mai mối, có tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2010, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VP, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 06/06/2012. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung tên Huỳnh Hữu P, sinh ngày 03/10/2011 và Huỳnh Thị Kiều K, sinh ngày 25/4/2015. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có cự cãi do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cách tính toán trong làm ăn, nhưng đó là những mâu thuẫn nhỏ, đỉnh điểm tết âm lịch năm 2021 mâu thuẫn ngày càng nhiều do chị T ăn nhạt thì anh không đồng ý nên vợ chồng có cự cãi, chị T tự về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay, chị T yêu cầu được ly hôn thì anh không đồng ý vì anh còn thương vợ, thương con.

- Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Hữu P, sinh ngày 03/10/2011 và Huỳnh Thị Kiều K, sinh ngày 25/4/2015, hiện đang sống với chị T. Trường hợp chị T kiên quyết xin ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi Dưỡng 02

con chung, không yêu cầu cấp Dưỡng.

- Về quan hệ tài sản:

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Chị T vẫn nguyên yêu cầu ly hôn anh D, đồng ý giao 02 con chung cho anh D nuôi Dưỡng, chị không cấp Dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Anh D đồng ý ly hôn chị T, anh nuôi Dưỡng 02 con chung, không yêu cầu cấp Dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ theo các quy định của pháp luật, đề nghị Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Bích T và anh Huỳnh Văn D. Về con chung: công nhận sự thỏa thuận giữa chị T và anh D giao 02 con chung tên Huỳnh Hữu P, sinh ngày 03/10/2011 và Huỳnh Thị Kiều K, sinh ngày 25/4/2015 cho anh D nuôi Dưỡng, chị T không cấp Dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, bị đơn anh Huỳnh Văn D có địa chỉ tại ấp TP1, xã VP, huyện TS, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Bích T và anh Huỳnh Văn D chung sống với nhau từ năm 2010, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VP, huyện TS, tỉnh An Giang ngày 06/06/2012. Vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và

gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Bích T, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh D sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và có 02 con chung tên Huỳnh Hữu P, sinh ngày 03/10/2011 và Huỳnh Thị Kiều K, sinh ngày 25/4/2015. Trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng cũng thường xuyên cự cãi nhưng đến khoảng tháng 03/2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mặc dù cả hai đã cố gắng duy trì cuộc sống hôn nhân nhưng không còn hạnh phúc nên đã sống ly thân từ tháng 03/2021. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho chị T và anh D hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Tại phiên tòa, chị T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn anh D và anh D đồng ý ly hôn chị T. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Bích T và anh Huỳnh Văn D.

[2.2] Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Hữu P, sinh ngày 03/10/2011 và Huỳnh Thị Kiều K, sinh ngày 25/4/2015. Chị T và anh D thống nhất thỏa thuận giao 02 con chung cho anh D nuôi Dưỡng, chị T không cấp Dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh D.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do chị Trần Thị Bích T yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Bích T và anh Huỳnh Văn D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 59/2012 Quyền số 01/2012 ngày 06 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân xã VP, huyện TS, tỉnh An Giang không còn giá

trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Trần Thị Bích T và anh Huỳnh Văn D:

Giao 02 con chung tên Huỳnh Hữu P, sinh ngày 03/10/2011 và Huỳnh Thị Kiều K, sinh ngày 25/4/2015 cho anh Huỳnh Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi Dưỡng.

Chị Trần Thị Bích T không phải cấp Dưỡng nuôi con chung nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Anh Huỳnh Văn D phải tạo điều kiện cho chị Trần Thị Bích T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp Dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008567 ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- UBND xã VP, huyện TS, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Minh Tâm